

Ứng dụng tư tưởng hoàng pháp của Trần Nhân Tông trong giai đoạn hiện nay

ISSN: 2734-9195 13:45 22/06/2025

Việc ứng dụng trí tuệ uyên thâm, lòng từ bi quảng đại của Phật hoàng Trần Nhân Tông vào các phương pháp hoàng pháp hiện đại mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng, là việc làm vô cùng cần thiết.

Tóm tắt

*Phật giáo Việt Nam thời nhà Trần, cụ thể là thời Phật hoàng **Trần Nhân Tông**, không chỉ đóng vai trò là một tôn giáo phổ biến, mà còn trở thành nền tảng tư tưởng chính thống, ảnh hưởng sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Với vị thế trung tâm như vậy, Phật giáo thời Trần phát triển huy hoàng, thường được các sử gia, nhà nghiên cứu từ trước đến nay gọi là thời kỳ quốc giáo, tức là tôn giáo chính thống và có ảnh hưởng sâu sắc nhất đối với triều đình và nhân dân. Sự phát triển mạnh mẽ, đồng bộ và nhất quán của Phật giáo thời kỳ này được xem là đỉnh cao chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Công cuộc hoàng pháp vĩ đại của Trần Nhân Tông là kim chỉ nam cho công tác hoàng pháp trong bối cảnh hiện nay.*

Từ khóa: Phật giáo thời Trần, Trần Nhân Tông, Hoàng pháp, thời đại mới.

Dẫn nhập

Trong dòng chảy lịch sử Phật giáo Việt Nam, thời Trần (1225-1400) là thời kỳ phát triển huy hoàng, rực rỡ cả về các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, giáo dục, nghệ thuật,... Trong giai đoạn này, thời đại nhà Trần có các vị vua vị tướng như: Trần Thủ Độ, Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Tuệ Trung Thượng sĩ... và không thể không nhắc đến Phật hoàng Trần Nhân Tông, một bậc minh quân đồng thời là vị Tổ sư khai sáng ra Thiền phái Trúc Lâm mang đậm bản sắc dân tộc.

Tư tưởng và hành động của Ngài không chỉ định hình sâu sắc đời sống tâm linh đương thời mà còn chứa đựng những giá trị vượt thời gian.

Trong bối cảnh xã hội hiện đại với những biến chuyển nhanh chóng, việc vận dụng trí tuệ Phật hoàng Trần Nhân Tông vào công tác hoằng pháp trở nên vô cùng cấp thiết. Việc áp dụng tư tưởng của Ngài, đặc biệt là tinh thần nhập thế, “cư trần lạc đạo”, sự thống nhất đạo đời, lòng từ bi và trí tuệ, từ đó đề xuất những phương hướng ứng dụng sáng tạo, phù hợp với xu hướng thời đại mới, nhằm lan tỏa Chính pháp hiệu dụng, viên dung.

Phật giáo thời nhà Trần



Hình mang tính minh họa

Thời Trần, Phật giáo trở thành tư tưởng chính thống, chi phối hầu hết các mặt của đời sống xã hội. Tinh thần từ bi, vị tha, khoan dung được lan tỏa trong quan hệ giữa người với người, giữa vua quan với dân chúng, tạo nên một xã hội ổn định, hòa hợp và nhân văn.

Các vị vua như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông... đều là những người am hiểu sâu sắc đạo Phật. Trần Nhân Tông sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm, dòng thiền thuần Việt, vừa kế thừa truyền thống dân tộc, vừa thể hiện bản lĩnh độc lập về tư tưởng. Không chỉ dừng lại ở tầng lớp lãnh đạo, Phật giáo thời Trần còn ăn sâu trong đời sống nhân dân. Hầu hết các làng đều có chùa, không chỉ là nơi thờ tự mà còn là trung tâm văn hóa, nơi tổ chức lễ hội, giảng dạy, giáo hóa cộng đồng.

Chùa trở thành biểu tượng tinh thần của cả làng xã, gắn kết cộng đồng từ trung ương đến địa phương trong một hệ thống tổ chức chặt chẽ, bài bản và thống nhất.

Phật giáo thời Trần không đơn thuần là tiếp nối, mà còn là sự dung hợp, kế thừa, phát triển và thống nhất từ các dòng thiền trước như Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường. Đây là điểm khác biệt nổi bật so với các thời kỳ trước và sau, Phật giáo thời Trần còn kết hợp cùng các tông phái Phật giáo lớn như Thiền tông, Tịnh độ tông, Luật tông, Mật tông và Giáo tông. Sự dung hợp đó không triệt tiêu nhau, mà bổ trợ, làm phong phú thêm tư tưởng Phật giáo, giúp Phật giáo dễ dàng thích ứng với nhiều tầng lớp và trình độ khác nhau trong xã hội.

Hơn thế, Phật giáo thời Trần còn hài hòa với Nho giáo và Đạo giáo, tạo nên hệ tư tưởng đa chiều, sâu sắc, nhưng không xung đột. Vua Trần Nhân Tông xuất thân từ Nho học, tinh thông uyên bác, sau chuyển sang tu hành, thể hiện tinh thần cởi mở, kết hợp trí tuệ thế gian với trí tuệ nhà Phật. Tư tưởng dung hợp ba đạo Phật - Nho - Đạo là điểm ưu việt, giúp xã hội dưới thời Trần ổn định và phát triển toàn diện.

Một yếu tố quan trọng khiến Phật giáo thời Trần được xem là quốc giáo chính là sự bảo trợ mạnh mẽ từ triều đình. Các vị vua, hoàng thân quốc thích và quan lại không chỉ là tín đồ mà còn là hộ pháp, người bảo vệ và phát triển đạo Phật.

Triều đình cho xây dựng chùa chiền, độ tăng (nuôi dưỡng và phong chức cho sư sãi), mở giới đàn, thỉnh kinh, tổ chức các lễ hội Phật giáo quy mô lớn. Từ trung ương đến địa phương, tổ chức Phật giáo được sắp xếp bài bản, thống nhất và đồng bộ, điều mà không triều đại nào sau này có thể làm được.

Chính sự thống nhất này đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn, làm nên một Phật giáo vừa gần với dân, vừa gần với nước. Sự đoàn kết trong tôn giáo là nền tảng cho sự đoàn kết toàn xã hội, góp phần giữ vững độc lập và ổn định quốc gia trong bối cảnh nhiều biến động.

Từ tư tưởng đến tổ chức, từ hoàng cung đến thôn quê, từ vua đến dân, Phật giáo thời Trần đã thấm sâu vào mọi mặt của đời sống xã hội. Với tinh thần từ bi, dung hợp, nhập thế và thống nhất, Phật giáo không chỉ là tôn giáo mà còn là hệ tư tưởng lãnh đạo quốc gia. Vai trò to lớn của triều đình, sự phát triển mạnh mẽ và toàn diện của Phật giáo cả về lý thuyết lẫn thực hành, sự dung hòa với các hệ tư tưởng... tất cả đã khẳng định rằng Phật giáo thời Trần chính là quốc giáo, tôn giáo làm trụ cột cho cả quốc gia Đại Việt. Đây là đỉnh cao rực rỡ nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam mà các thời đại sau không thể sánh bằng.

Phật hoàng Trần Nhân Tông và Thiền phái Trúc Lâm

Hành trạng Phật hoàng Trần Nhân Tông



Phật hoàng Trần Nhân Tông, tên húy là Trần Khâm, sinh ngày 07/12/1258 (11/11/Mậu Ngọ), là con trưởng của Vua Trần Thánh Tông và Hoàng Thái hậu Nguyên Thánh. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, thân hình Ngài có những đặc điểm khác thường, nhất là có màu vàng, nên được vua cha đặt cho biệt hiệu là Phật kim: *“được tinh anh thánh nhân, thuần túy đạo mạo, sắc thái như vàng, thể chất hoàn hảo, thần khí tươi sáng. Hai cung đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên đồng tử. Trên vai bên trái có nốt ruồi đen, cho nên có thể cáng đáng được việc lớn, ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng ở am Ngọa Vân núi Yên Tử, đưa về táng ở Đức Lăng. Vua nhân từ hòa nhã, cố kết lòng dân, sự nghiệp trù hưng sáng ngời thuở trước, thực là bậc vua hiền của nhà Trần”*. [1] Năm 1274 lúc 16 tuổi, Ngài được lập làm Đông cung Thái tử và cùng năm Ngài kết duyên với công chúa Quyên Thánh, trưởng nữ Hưng Đạo Đại Vương. Vua Trần Thánh Tông đã mời các bậc trưởng lão tinh thông Nho giáo, Tứ thư, Ngũ kinh và Phật giáo để dạy cho ông như Lê Phụ Trần, Nguyễn Thánh Huấn, Nguyễn Sĩ Cố... Chính Vua cha đã soạn sách Di Hậu Lục để dạy cho Thái tử cách xử thế chuẩn bị nối nghiệp sau này, đó là lí do ông đã trở nên tinh thông cả tam giáo.

Vua cha Trần Thánh Tông đích thân dạy Phật pháp và gửi Ngài học đạo với Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Tung, được Tuệ Trung Thượng Sĩ hết lòng khai thị chỉ dạy Phật học và yếu chỉ Thiền tông. Trần Nhân Tông đã từng hỏi Thượng sĩ: *“Pháp yếu của Thiền Tông là gì?”*; Thượng sĩ trả lời: *“Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất tùng tha đắc”*. *“Phản quan”* là soi sáng hay xem xét, *“tự kỷ”* là chính mình, có nghĩa xem xét lại chính mình là việc bốn phận, không phải từ nơi khác mà được. [2] trong *Thánh đẳng ngữ lục* ghi như sau: *“Ngài rất thông minh và hiếu học, có nhiều tài năng, xem hết các sách, thông suốt cả nội điển lẫn ngoại điển... Ngài tham học với Thượng sĩ Tuệ Trung, đạt sâu tới chỗ thiền tửy và thờ Thượng sĩ làm Thầy”* [3].

Năm 1279 lúc 21 tuổi, Ngài được vua cha Trần Thánh Tông truyền ngôi, trị vì thiên hạ Đại Việt, lấy đức trị vì, dân chúng an cư lạc nghiệp, lấy niên hiệu là Thiệu Bảo.

Năm 1282, vua Trần Nhân Tông chủ trì Hội nghị Bình Than để lấy ý kiến toàn dân trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại nhằm ứng phó trước thảm họa ngoại xâm, quân Nguyên - Mông chuẩn bị xâm lược. Năm 1284, trước khi cuộc chiến tranh diễn ra, Ngài chủ trì Hội nghị Diên Hồng, lấy ý kiến các vị Bô lão, những người đứng đầu các Bộ lạc. Toàn thể Hội nghị già trẻ, gái trai đều một lòng tung hô quyết chiến.

Năm 1285, Ngài đã lãnh đạo và chiến thắng cuộc xâm lăng Nguyên - Mông lần thứ nhất. Với ý đồ bành trướng, trước chiếm Chiêm Thành, làm bàn đạp xâm lược Đại Việt ta, Trần Nhân Tông lại một lần nữa lãnh đạo cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, cùng quyết tâm chiến thắng của toàn quân toàn dân, Ngài đã chiến thắng quân Nguyên - Mông lần thứ hai năm 1288. Cảm hứng trước sự chiến thắng của dân tộc, Ngài đã làm hai câu thơ thể hiện muốn nhập thể thì phải hiểu đạo, hiểu đời, hiểu người, hiểu mình, từ đó mới có trách nhiệm với đạo, với đời, với người:

“Xã tắc hai phen chồn ngựa đá

Non sông muôn thuở vững âu vàng”

(Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã

Sơn hà thiên cổ điện kim âu)[4]

Qua đây có thể thấy được, Trần Nhân Tông không chỉ là một nhà chính trị, nhà quân sự, mà còn là một nhà tư tưởng, ngoại giao tài giỏi trong việc trị nước, an dân. Luôn đồng hành cùng vận mệnh của dân tộc, đời sống nhân dân. Khi đất nước thanh bình, dân chúng an cư lạc nghiệp, Ngài đã củng cố triều đình, phủ dụ, đoàn kết toàn dân, xây dựng và phát triển đất nước thanh bình thịnh trị, nhân dân ấm no hạnh phúc. Ngài khuyên bá tính toàn dân quy y Tam Bảo, giữ 5 giới cấm, tu tập 10 điều thiện. Với tâm từ bi trí tuệ, Ngài đã bỏ qua những lỗi lầm đã có của quần thần cũng như thân tộc trong khi quân giặc tấn công nước ta.

Năm 1293 lúc 41 tuổi Ngài nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông lên làm Thái Thượng Hoàng. Năm 1294, nhà Trần cầm quân sang chinh phạt Ai Lao, giữ yên bờ cõi và làm cho nước Triệu Voi tiếp tục thần phục Đại Việt. Sau khi chinh phạt Ai Lao, Ngài trở về Hành cung Vũ Lâm - Ninh Bình, cầu Quốc sư Huệ Tuệ làm lễ xuất gia, tu hành tham cứu nội điển thiền tông tại đây.

Năm 1299, Ngài trở lại thăm Kinh sư lần cuối, rồi đi thẳng lên núi Yên Tử, Quảng Ninh quyết chí tu hành, tham thiền nhập định, lấy tên hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà và thu nhận Đồng Kiên Cương làm đệ tử và ban pháp hiệu là Pháp Loa.

Năm 1301, Ngài xuống núi, đi thăm đất nước Chiêm Thành, nghiên cứu về văn hóa tôn giáo, tạo lập mối quan hệ hợp tác, hòa bình, hữu nghị với các nước lân bang. Trở về chùa Phổ Minh phủ Thiên Trường giảng kinh, thuyết pháp, mở Hội đại thí vô lượng cho nhân dân.

Năm 1304, Ngài một gậy một bát vân du khắp nước Đại Việt, khuyến khích muôn dân thọ tam quy, giữ năm giới, tu hành Thập thiện, dẹp bỏ những nơi thờ cúng không đúng Chính pháp, loại bỏ những điều mê tín dị đoan. Sau đó, được Vua Trần Anh Tông thỉnh vào nội cung để truyền giới Bồ tát cho Bá quan văn võ, quần thần.

Sau chuyến thăm Chiêm Thành năm 1301, nhà Trần hứa đính hôn Công chúa Huyền Trân cho Vua Chiêm là Chế Mân. Năm 1305, Vua Chiêm Thành sai Chế Bồ Đài và phái đoàn ngoại giao mang vàng, bạc... sính lễ cầu hôn. Đến năm 1306, Ngài đứng ra làm lễ chứng minh hôn lễ giữa Công chúa Huyền Trân và Chế Mân - Vua Chiêm Thành. Sự kiện ngoại giao hôn phối ấy, Vua Chiêm đã dâng hai quận Châu Ô, Châu Rí cho Đại Việt làm quà sính lễ. Đây chính là điều kiện giúp cho Đại Việt mở rộng bờ cõi về phương Nam là Thuận Hóa tức Huế ngày nay, mở ra cơ hội mở rộng lãnh thổ về phía Nam.

Năm 1307, Ngài truyền Y Bát lại cho Tôn giả Pháp Loa, lên làm Sơ Tổ Trúc Lâm và Pháp Loa là Tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm. Trong thời gian đó, Ngài thường lui tới chùa Báo Ân Siêu Loại, Sùng Nghiêm Hối Dương, Vĩnh Nghiêm Lạng Giang, chùa Từ Lâm, chùa Quỳnh Lâm Đông Triều để giảng kinh, thuyết pháp, giáo hóa, chấn tế, cứu bản an dân hộ quốc.

Sau khi truyền Y Bát cho Tôn giả Pháp Loa, Ngài dành thời gian biên soạn Kinh sách và Ngũ lục để lại cho hậu học một số trước tác kinh điển vô cùng quý báu như: *Trần Nhân Tông thi tập, Đại Hương Hải Ấn thi tập, Tăng Già Toái Sự, Thạch Thất My Ngữ, Trung hưng Thực Lục, Cư trần lạc đạo phú, Đặc thú lâm tuyền thành đạo ca...*

Khai sáng Thiền phái Trúc Lâm



Hình mang tính minh họa

Trong dòng chảy nhập thế đóng góp vào sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm, cần kể đến những bậc đi trước như: Trần Thủ Độ, Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông mở đường, dẫn lối, chuẩn bị tất cả tiền đề lý luận để cho Thiền phái ra đời: *“Tôi chịu lời ủy thác của tiên quân, phụng sự nhà vua trong việc làm chủ thần dân. Nhân dân đang mong đợi bệ hạ như con đỗ trông đợi cha mẹ. Huống chi ngày nay các vị cố lão trong triều đều là họ hàng thân thích, sĩ thứ trong nước ai nấy đều vui vẻ phục tùng, đến đứa trẻ lên bảy cũng biết nhà vua là cha mẹ dân. Vả lại, Thái Tổ vừa mới bỏ tôi mà đi, hòn đất trên nắm mộ chưa ráo, lời dặn dò bên tai còn văng vẳng, thế mà bệ hạ đã lánh vào chốn núi rừng ẩn cư để cầu thỏa lấy ý chí riêng của mình. Tôi dám nói rằng bệ hạ vì sự tự tu cho riêng mình mà làm vậy thì được, nhưng còn quốc gia xã tắc thì sao? Nếu để lời khen suông cho đời sau thì sao bằng lấy ngay thân mình làm người dẫn đạo cho thiên hạ? Bệ hạ nếu không nghĩ lại, quần thần chúng tôi cùng thiên hạ sẽ xin cùng chết cả trong ngày hôm nay, quyết không trở về”*[5]. Năm 1299, vua Trần Nhân Tông sáng lập nên dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, bằng cả một hệ thống lý thuyết và hành động gắn Đạo với Đời, Phật giáo Trúc Lâm được xem là nổi bật so với các dòng thiền khác trên thế giới với tư tưởng “cư trần lạc đạo” của vua Trần Nhân Tông.

Thiền phái Trúc Lâm là một trong những nét đặc sắc của Phật giáo Việt Nam, mang đậm tinh thần dân tộc và tư tưởng nhập thế, không chỉ kế thừa mà còn dung hợp tinh hoa của các dòng thiền như Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi (thế kỷ VI), Vô Ngôn Thông (thế kỷ IX) và Thảo Đường (thế kỷ XI), tạo nên hệ thống tư tưởng riêng biệt, góp phần định hình nền văn hóa, tư tưởng Việt Nam trong suốt nhiều thế kỷ. Nối tiếp là nhị tổ Pháp Loa và tam tổ Huyền Quang, họ đã trở thành ba vị tổ của dòng thiền này.

Thiền phái Trúc Lâm đề cao nội lực và bản chất giác ngộ sẵn có, khẳng định rằng Phật không ở đâu xa, mà ở ngay trong tâm mỗi người. Mỗi cá nhân nếu tin tưởng bản thân, giữ tâm thanh tịnh thì ai cũng có thể thành Phật. Không lệ thuộc vào tư tưởng ngoại lai, mà phát triển từ chính bản sắc văn hóa Việt.

Tư tưởng này lan tỏa đến mọi lĩnh vực cả chính trị, kinh tế, văn hóa, tạo nên một nền Phật giáo độc lập, tự chủ. Thiền phái Trúc Lâm dung hợp không chỉ các tông phái Phật giáo, mà còn tiếp thu các yếu tố của Nho giáo và Đạo giáo, cho thấy sự cởi mở, linh hoạt và khả năng thích nghi với nhiều hoàn cảnh, tư tưởng khác nhau.

Người tu không phải sống xa lánh đời mà hòa mình vào cuộc sống để giúp đỡ chúng sinh. Họ tùy duyên, tùy tục, dùng nhiều phương tiện khác nhau để hóa độ, cứu giúp người đời. Thiền phái Trúc Lâm còn hướng tới việc xây dựng xã hội an bình, giúp dân, giúp nước. Phật hoàng Trần Nhân Tông là hình mẫu tiêu biểu, vừa là thiền sư, vừa là người yêu nước, gắn bó mật thiết với vận mệnh dân tộc.

Ứng dụng tư tưởng hoàng pháp của Phật hoàng Trần Nhân Tông trong công tác hoàng pháp hiện nay

Đức Phật đã nỗ lực không ngừng, giáo hóa liên tục trong 45 năm theo Nam Truyền và 49 năm theo Bắc Truyền, với hơn ba trăm pháp hội, khoảng hơn tám vạn bài pháp, mục đích chính mong muốn mọi người đều có thể hiểu và ứng dụng được Phật pháp vào mọi lĩnh vực của đời sống, giải thoát khổ đau, có được sự bình an và hạnh phúc.



Hình mang tính minh họa

Theo tự điển Hán Việt Thiều Chửu: “Hoàng - 弘”, nghĩa là *“lớn, mở rộng ra, làm cho rộng lớn hơn”*[6]; còn “pháp - 法”, nghĩa là *“phép, có khuôn phép nhất định để cho người tuân theo được gọi là pháp, như pháp điển, pháp quy, pháp luật...; một nghĩa nữa, nhà Phật gọi đạo là pháp, cho nên giảng đạo gọi là thuyết pháp, tôn xưng các sư giảng đạo là pháp sư...”*[7]. Vậy, có thể hiểu rằng, hoàng Pháp nghĩa là đem giáo lý của đức Phật truyền bá sâu rộng trong đời sống con người, tùy nơi, tùy lúc, tùy người, tùy căn cơ trình độ khác nhau của người nghe, người học để đạt được hiệu quả giác ngộ, an lạc giải thoát góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp.

Hoàng pháp không phải chỉ là thuyết giảng suông, thuyết pháp suông, mà phải đúng như lời Phật dạy là: *“Này các Thầy, hãy đi, hãy đi vì lợi lạc, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn đối với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của trời và người. Các Thầy hãy đi, đừng đi hai người cùng một hướng, hãy đi mỗi người một ngã, hãy truyền bá Chính pháp”*[8]. Hoàng pháp chính là con đường, phương pháp, hành động thể hiện tinh thần nhập thế của Thiền phái Trúc Lâm từ xưa đến nay: *“Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chúng, chấn nhiếp ma quân, thượng báo tứ ân, bạc tế tam hữu”* (Phàm là người xuất gia, bước đi một bước vượt đến chân trời cao rộng, hình tướng và tâm hồn khác với người thế tục, làm cho dòng thánh hưng long, nhiếp phục ma quân, để trên báo đền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ cho ba đường)[9].

Thiền phái Trúc Lâm ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu của thời đại, dưới thời Trần, Phật giáo được phát triển hưng thịnh và trở thành tư tưởng chủ đạo trong đời sống chính trị của nước ta lúc bấy giờ. Với tinh thần tùy duyên, hòa quang đồng trần, cư trần lạc đạo, nhập thế hành đạo đã sản sinh ra những Thiền sư luôn hướng về hòa nhập với cuộc đời, đóng góp cho quốc gia, dân tộc.

Trần Nhân Tông là người được tiếp nhận, kế thừa và thực hiện tinh thần Phật giáo nhập thế. Ông đã đi chu du khắp cả nước, giáo hóa nhân dân sống đạo đức, lương thiện, tạo nên một xã hội thanh bình, thuần lương, nhân hậu, đạo đức, xây dựng một “tịnh độ quốc” tại nhân gian.

Triết lý mà Trần Nhân Tông sử dụng là giáo lý *“mười điều thiện, giữ gìn ngũ giới”*, được khai thác trên cơ sở con người và tâm là Phật làm chủ yếu. Tâm là Phật, Phật là Tâm chính là cơ bản cho mọi lý luận, hành động và thực chứng: *“Phật giáo hướng nội biện tâm, là Phật giáo mang tính chất bình đẳng không phân biệt, là sống giữa đời hay sống ẩn dật trong rừng, không phân biệt là sống tại gia hay xuất gia, tăng hay tục, chỉ cốt biện tâm. Hãy quay đầu lại, nhìn vào bên trong nội tâm, nếu có thể quay ánh sáng phản chiếu lại nội tâm mình, thì sẽ thấy được tính là thành Phật, tức kiến tính thành Phật. Đây là Phật giáo của mọi người và mọi người có thể hành trì được ở bất kỳ nơi đâu, lúc nào. Đó chính là cơ sở tạo nên sức mạnh của Phật giáo - Thiền thời Trần”*.^[10] Đạo phải được thực hiện ngay trong thế gian, không thể cách ly nhân dân mà phải lấy nhân dân làm đối tượng để phụng sự và thực hiện các trí huệ của Đạo.

Đạo ở đây không sử dụng cho riêng một bộ phận, tầng lớp cao quý hay đặc biệt trong xã hội nào, mà được sử dụng cho tất cả mọi người, bất kỳ địa điểm nào và bất kỳ khi nào. Sau khi Trần Nhân Tông trao chức trụ trì chùa Báo Ân cho Pháp Loa và truyền tâm ấn phong làm Đệ nhị Tổ Trúc Lâm trước sự chứng kiến của vua Trần Anh Tông, Ông thường lui tới các chùa Báo Ân Siêu Loại, Sùng Nghiêm Hải Dương, Vĩnh Nghiêm Bắc Giang... để giảng kinh, thuyết pháp và chứng minh các lẽ hội.

Trong toàn bộ tác phẩm *Ngũ lục* của Tuệ Trung, tư tưởng xuyên suốt được nhắc tới là “hòa quang đồng trần” Phật, Bồ tát vì cứu độ chúng sinh phải ẩn giấu ánh sáng trí tuệ, dùng thân ứng hóa tạm thời làm phương tiện trong cõi trần đầy phiền não, kết duyên với chúng sinh để rồi lần lượt dẫn họ vào Phật pháp. Đó chính là nhập thế trần tục và làm cho đời thêm sáng tươi.

Thiền phái Trúc Lâm ngày nay là sự tổng hòa của sự tu học sinh hoạt, hòa nhập vào xã hội, từ cơ cấu tổ chức, tư tưởng chủ đạo đến thời khóa tu tập và các buổi thuyết pháp đều phù hợp với tình hình xã hội hiện nay, mọi chủ trương hài hòa trong nét truyền thống dân tộc của Việt Nam: *“Đối với người tri thức, có nhận*

thức thì thấy Thiền phái Trúc Lâm rất thực tế ở con người, từ hành động, ý nghĩ, lời nói thì mình biết được sai lầm để thay đổi, biết được thì không làm đau khổ người khác từ đó soi sáng cho mình hành động. Đó là cái đặc sắc và cốt lõi nhất”[11].

Ngày nay, với sự phát triển không ngừng của khoa học, kỹ thuật, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo. Công cuộc hoàng pháp có nhiều thuận lợi, nhưng bên cạnh đó cũng không ít thách thức. Những tín đồ Phật giáo hoặc không theo Phật giáo, họ có thể là nhà trí thức, nhà khoa học, nhà tâm lý, doanh nhân... có trình độ kiến thức, trình độ nhận thức cao, có thể hiểu được một bài pháp thoại hay kinh sách của các vị Sư thuyết giảng có tính thuyết phục và tính ứng dụng cao hay chưa.

Chính vì vậy, để có thể thực hiện mở rộng cả chiều rộng và chiều sâu con đường hoàng pháp, những vị giảng sư không những phải được đào tạo trong hệ thống của các trường Phật học, nắm chắc kiến thức Phật học về mặt lý thuyết mà còn ứng dụng trong thực tế.

Phải có trình độ thế học sâu rộng trong các lĩnh vực của đời sống cần trang bị như kinh tế, văn hóa, giáo dục, công nghệ, môi trường... và không ngừng cập nhật liên tục. Điều đó thể hiện rõ cả tinh thần và hành động nhập thế của Trần Nhân Tông, đó cũng là tinh thần của Phật giáo Nhập thế: *“Phật giáo nhập thế (Engaged Buddhism), là hình thức đương đại của Phật giáo, tham gia tích cực nhưng không bạo lực để giải quyết các vấn đề xã hội, kinh tế, chính trị, môi trường”*.

Trần Nhân Tông không chỉ là một vị vua, vị tướng cầm quân ra chiến trường, mà còn là một thiền sư, nhà thơ, nhà hoàng pháp, bằng chính những hiểu biết về Phật học mà ông đã áp dụng thành công vào xây dựng đất nước và phát triển cuộc sống của nhân dân.

Chính sự tu tập đạt tới giác ngộ của ông cũng không tách rời những việc như mặc áo, ăn cơm, không rời thế gian, luôn thấu hiểu được nỗi khổ niềm đau của nhân dân nên sau khi thực hiện xong việc ẩn tu, thiền sư đã trở về giáo hóa chúng sinh, phụng sự, hòa mình vào thế gian để làm lợi ích cho đời theo tinh thần tùy duyên, tùy tục, theo thế sự mà hành động, đó chính là tinh thần nhập thế: *“Tại thế tính hằng ly thế. Cư trần lòng vốn viễn trần”*. [12]



Hình mang tính minh họa

Nếu như trong thời kỳ chấn hưng Phật giáo, hoàng pháp chủ yếu tập trung vào: diễn giảng, phiên dịch và sáng tác, kiểm duyệt giáo lý, thì hiện nay, đáp ứng xu thế xã hội và thời cuộc, các hình thức hoàng pháp mở rộng theo tinh thần tứ khế (lý, cơ, xứ, thời), bao gồm: giảng kinh, tụng kinh, niệm Phật, dạy thiền...

Vì vậy, người thực hiện công cuộc hoàng pháp hiện này cần chủ động, thích ứng áp dụng sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo vào công cuộc hoàng pháp, sử dụng các nền tảng trực tuyến, mạng xã hội để lan tỏa giáo lý, sử dụng thành thạo các trang thiết bị như tạo video giảng ngắn trên điện thoại, soạn thảo bài giảng, kinh sách trên máy tính, trình chiếu bài giảng trên máy chiếu, lưu lại lời giảng tại máy ghi âm.

Xây dựng nội dung hoàng pháp đa dạng, hấp dẫn bằng nhiều ngôn ngữ, cách tiếp cận khác nhau, cách giảng giải khác nhau, ứng dụng đa nền tảng (video, podcast, infographic...) đưa các nội dung này tiếp cận tới đối tượng khác nhau thông qua mạng xã hội như: Facebook, YouTube, Zalo, Tiktok... để truyền tải các bài giảng, giáo lý, tinh thần, kinh điển của đức Phật. Có vậy, số lượng xem trực tuyến sẽ lớn hơn, tiếp cận được đến nhiều đại chúng trong xã hội kể cả người trẻ và người già, việc tiếp cận còn được thể hiện tới các quốc gia, miền lân cận.

Ngoài ra, có thể lưu trên điện toán đám mây, truyền lại cho người sau nghe pháp, giải quyết được các vấn đề về thời gian, vị trí địa lý. Thêm nữa, các bài giảng có thể được biên soạn lại từ văn nói sang văn viết để được lưu giữ truyền

tải thông qua sách, báo tới nhóm đối tượng là độc giả nghiên cứu.

Cần đa dạng hóa hình thức hoằng pháp, tổ chức các khóa tu, hội thảo phù hợp với nhiều đối tượng, kết hợp hoằng pháp với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao. Bên cạnh đó, luôn chú trọng đến giáo dục Phật pháp cho giới trẻ, người lớn tuổi, hoằng pháp kết hợp với các hoạt động thiện nguyện và phục vụ cộng đồng.

Tóm lại, hoằng pháp trong bất kỳ thời đại nào cũng hàm chứa những ý nghĩa, triết lý sống của Phật giáo trong đời sống con người, nhằm góp phần cùng với xã hội, đào tạo, giáo dục phẩm chất con người có lý tưởng sống cao đẹp, có nhân sinh quan đúng đắn, có phẩm chất đạo đức làm người, hướng đến xây dựng xã hội tốt đạo, đẹp đời.

Hãy biết vận dụng những phương tiện mới, những cơ hội mới, giải quyết những khó khăn để đạt được tính hiệu quả cao trong công cuộc hoằng pháp.

Thay lời kết

Phật hoàng Trần Nhân Tông và Thiền phái Trúc Lâm là biểu tượng cho sự giao hòa giữa đạo và đời, giữa lý tưởng giác ngộ và trách nhiệm xã hội. Dòng thiền này không những phát triển đạo Phật theo hướng phù hợp với người Việt, mà còn đóng vai trò lớn trong việc xây dựng tinh thần tự lực, tự cường, yêu nước, góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử.

Thời đại mới với những biến chuyển không ngừng, đặt ra thách thức nhưng cũng mở ra cơ hội. Việc ứng dụng trí tuệ uyên thâm, lòng từ bi quảng đại của Phật hoàng Trần Nhân Tông vào các phương pháp hoằng pháp hiện đại mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng, là việc làm vô cùng cần thiết. Chúng ta tin rằng, cùng những nỗ lực không ngừng, sức sáng tạo linh hoạt và lòng nhiệt huyết hoằng dương chính pháp, dựa trên nền tảng tư tưởng của Phật hoàng Trần Nhân Tông, đạo Phật sẽ ngày càng lan tỏa sâu rộng, góp phần xây dựng xã hội an lạc, hạnh phúc và phát triển bền vững.

Tác giả: **TKN Thích nữ Liên Thông**, Ủy viên Chi hội Phật giáo - Hội Nghiên cứu giảng dạy văn học Tp.HCM.

Chùa Phổ Đức, 40 Ấp Bắc, phường 5, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang

Tài liệu tham khảo:

[1] Đỗ Hương Giang (2020), Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ cấp bộ 2019-2020 “Thiền Trúc Lâm đương đại với đời sống xã hội vùng Nam bộ hiện nay”, Tp.HCM

- [2] Nguyễn Công Lý (1997), *Bản sắc dân tộc trong văn học thiền tông thời Lý-Trần*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội
- [3] Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn học, Hà Nội
- [4] Lê Cung (Chủ biên), Trần Thuận, Trần Thị Thanh, Hoàng Chí Hiếu, Lê Thành Nam, Nguyễn Minh Phương (2019), *Phật Hoàng Trần Nhân Tông cuộc đời và sự nghiệp (1258-1308)*, Nxb Tổng hợp Tp. HCM
- [5] Lê Mạnh Thát (2010), *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. Phương Đông, Tp. HCM.
- [6] Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên (2003), *Đại Việt sử ký toàn thư, tập II, III*; Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội
- [7] Thiều Chửu (1942), *Hán Việt tự điển*, Nhà in Đuốc Tuệ, Hà Nội
- [8] Thích Hành Trụ (1970), *Quy Sơn Cảnh Sách*, Nxb. Sen Vàng
- [9] Thích Thanh Từ (2008), *Khóa hư lục giảng giải*, Nxb Tổng hợp Tp.HCM
- [10] Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Quế (2021), *Đại Cương tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, TP.HCM
- [11] Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Quế (2022), *Thiền học Việt Nam*, Nxb Phụ nữ, Tp.HCM
- [12] Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Quế, Đinh Văn Viễn (2022), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội
- [13] Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư, tập II*, Nxb KHXH, Hà Nội

Chú thích

- [1] Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư, tập II*, Nxb KHXH, Hà Nội, tr.44
- [2] Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Quế (2021), *Đại Cương tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, TP.HCM, tr.184.
- [3] Thích Thanh Từ (1999), *Thánh đẳng lục giảng giải*, Nxb TP.HCM, tr 103.
- [4] Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên (2003), *Đại Việt sử ký toàn thư, tập II, III*; Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, tr.62.

- [5] Thích Thanh Từ (2008), *Khóa hư lục giảng giải*, Nxb Tổng hợp TP.HCM, tr.10
- [6] Thiều Chửu (1942), *Hán Việt tự điển*, Nhà in Đuốc Tuệ, Hà Nội, tr. 186.
- [7] Thiều Chửu (1942), *Hán Việt tự điển*, Nhà in Đuốc Tuệ, Hà Nội, tr. 339
- [8] Đại Phẩm Mahāvagga, Tỳ-khưu Indacanda Nguyệt Thiên dịch, Đại phẩm 19,20
- [9] Thích Hành Trụ (1970), *Quy Sơn Cảnh Sách*, Nxb. Sen Vàng, tr.32.
- [10] Lê Cung (Chủ biên), Trần Thuận, Trần Thị Thanh, Hoàng Chí Hiếu, Lê Thành Nam, Nguyễn Minh Phương (2019), *Phật Hoàng Trần Nhân Tông cuộc đời và sự nghiệp(1258-1308)*, Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr 221.
- [11] PVS chuyên viên phụ trách Phật giáo tỉnh Đồng Nai vào tháng 12-2019 trong khuôn khổ nhiệm vụ cấp bộ 2019-2010 “*Thiền Trúc Lâm đương đại với đời sống xã hội vùng Nam bộ hiện nay*” do PGS. TS. Đỗ Hương Giang làm chủ nhiệm
- [12] Lê Mạnh Thát (2000), *Toàn tập Minh Châu Hương Hải*, Nxb TP. HCM, tr.166